

-(으)ㄹ망정

دائماً يكون في حاجة الى شيء، لكن...

تقبل نقطة واحدة ثم اكد على صفة ما لا يزال غير متأكد من تلك النقطة. الصيغة قريبة من -(으)ㄹ지연정، لكن المفعول في الجملة الثانية لعمل مختلف.

■ Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ망정	가난하다 → 가난할망정
Kết thúc bằng phụ âm	-을망정	늙다 → 늙을망정
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들망정
Mệnh đề thứ nhất	một nhược điểm có thật	가난하다, 늙다, 작다
Mệnh đề thứ hai	một phẩm chất đúng vững	... 떳떳하다
Thay vào đó là lựa chọn	-(으)ㄹ지연정	굶을지연정 빌리지 않겠다

■ Khi nào dùng

Cách gần theo quy tắc chuẩn, với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들망정. Nó được viết như một đuôi duy nhất, không có khoảng trắng.

Mệnh đề thứ nhất nêu một nhược điểm có thật; mệnh đề thứ hai nêu một phẩm chất vẫn đúng vững bất chấp: 가난할망정 남에게 아쉬운 소리는 하지 않았다.

Đó là khác biệt so với 지연정. Cả hai đều chấp nhận điều không mong muốn, nhưng 지연정 chọn nó để từ chối điều tệ hơn, còn 망정 chỉ đơn giản thừa nhận nó và vẫn khẳng định phẩm giá.

Vì thế, sắc thái là lòng tự trọng hơn là sự thách thức. Văn phong mang tính văn chương.

■ Ví dụ trong câu

- 1 가난할망정 남에게 아쉬운 소리는 하지 않았다.
Dầu nghèo, anh ấy chưa bao giờ đi cầu xin ai.
- 2 몸은 늙을망정 마음은 여전히 젊다.
Thân thể có thể già đi, nhưng tinh thần vẫn trẻ.
- 3 규모는 작을망정 내실은 탄탄한 회사입니다.
Quy mô dầu nhỏ, nhưng đó là một công ty vững chắc.
- 4 서툰망정 제 손으로 해 보고 싶습니다.
Dầu vụng về, tôi vẫn muốn tự tay làm thử.
- 5 모양은 투박하게 만들망정 재료만큼은 최고를 씁니다.
Hình dáng dầu có thô, nhưng nguyên liệu là loại tốt nhất.
- 6 느릴망정 방향은 옳다고 믿는다.
Dầu có chậm, tôi tin rằng hướng đi là đúng.

■ So sánh với

-(으)ㄹ지연정

Cặp cần phân biệt rõ. 지연정 chọn chịu khổ để từ chối điều gì đó; 망정 thừa nhận nhược điểm và khẳng định phẩm chất.

굶을지연정 받지 않겠다. (thà chết đói còn hơn) / 가난할망정 떳떳하다. (nghèo nhưng ngay thẳng)

-기에 망정이지

Cùng từ 망정, cấu trúc khác. 기에 망정이지 nghĩa là “may mà...” và nói về việc thoát nạn trong gang tấc.

일찍 나섰기에 망정이지 늦을 뻔했다. (may mà) / 가난할망정 떳떳하다. (nghèo, nhưng)

-(으)ㄹ지라도

지라도 thừa nhận một giả định; 망정 thừa nhận điều có thật.

어려울지라도 하겠다. (dù có khó) / 가난할망정 떳떳하다. (dầu nghèo như vậy)

■ Lưu ý

- ✗ 가난할망정 더 가난해졌다.
○ 가난할망정 떳떳하게 살았다.
Mệnh đề thứ hai phải khẳng định điều vẫn đúng vững bất chấp nhược điểm. Thêm một nhược điểm khác thì đuôi này không còn tác dụng gì.
- ✗ 모양은 투박하게 만들을망정 재료는 최고입니다.
○ 모양은 투박하게 만들망정 재료는 최고입니다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄷ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이다.
- ✗ 굶을망정 그 돈은 받지 않겠다.
○ 굶을지연정 그 돈은 받지 않겠다.
Chọn chịu khổ để từ chối điều gì đó thì dùng 지연정. 망정 là thừa nhận chứ không phải lựa chọn.